

NGŨ VĂN - TUẦN 9:
BÀI 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (TT)
ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

VỀ BÀI CA DAO “ĐỪNG BÊN NI ĐỒNG NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG” (TT)

I/ Tìm hiểu chung:

II/ Tìm hiểu chi tiết:

III/ Tổng kết:

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung:* Qua Vẽ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như bố cục của một bài ca dao.

2. Nghệ thuật

Nghệ thuật phân tích sâu sắc.

**Bài tập vận dụng:* *Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận của tác giả Hoàng Tiến Tựu để hiểu thêm về vẻ đẹp của ca dao, dân ca.*

TRI THỨC TIẾNG VIỆT VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỰA CHỌN TỪ NGỮ PHÙ HỢP VỚI VIỆC THỂ HIỆN NGHĨA CỦA VĂN BẢN

Thời lượng: 2 tiết

***HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

I. Lựa chọn từ ngữ:

1. Tại sao phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB?

- Khi nói hoặc viết, người nói (viết) thường phải huy động vốn từ ngữ đã được tích lũy (trong đó có những từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa) để lựa chọn những từ ngữ phù hợp nhất với việc thể hiện nội dung của văn bản.

2. Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết

- Xác định nội dung cần diễn đạt.

- Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.

- Chú ý khả năng kết hợp hài hoà giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn) văn.

3. Tác dụng

Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể lện nghĩa của văn bản giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (viết) muốn thể hiện.

***HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

II. Thực hành Tiếng Việt:

Bài tập 1/ trang 67

a. Từ “phồn hoa”: cảnh sống giàu có, xa hoa; “phồn vinh” : thường được dùng miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.

→ Vì vậy, câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.

b. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh phổ - mắc cửi, đường – bàn cờ => giúp người đọc hình dung được tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.

c. Từ láy “ngần ngó” thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.

d. Từ “bút hoa” thể hiện tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.

Bài 2/ trang 68

a. Từ “sẵn” được hiểu là có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu. Việc lựa chọn từ “sẵn” phù hợp với nội dung bài thơ để nhằm thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên đã ban tặng cho con người vùng đất Tháp Mười.

b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.

Bài 3/ trang 68

1e – 2g - 3h – 4k – 5i – 6a – 7b – 8c – 9đ – 10d

Bài 4/ trang 69:

Từ láy	Ý nghĩa
Ngắn ngủi	Có ý diễn tả bài ca dao rất ngắn, từ đó nhấn mạnh vào đặc điểm hình thức nổi bật của bài ca dao và giúp người đọc hình dung, liên tưởng rõ nét hơn.
Dân dã, mộc mạc	Nhấn mạnh vào sự chất phác, bình dị, mộc mạc của người dân quê, nơi thôn dã.
Tha thiết, ngọt ngào	Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về âm điệu của bài ca dao.
Thiết tha, băng khuâng, xao xuyến	Giúp người đọc hình dung rõ hơn về cảm xúc của người viết đối với bài ca dao.

***HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

- *GV hướng dẫn HS:* Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.

GV hướng dẫn HS:

+ Bước 1: Tìm 5 đến 6 ảnh về Việt Nam hoặc về quê hương của HS, ghi lại nguồn tìm kiếm ảnh.

+ Bước 2: Viết đoạn văn từ 150 đến 200 chữ giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương, đất nước được thể hiện qua các hình ảnh đó.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

HOA BÌNH – Thời lượng (0,5 tiết)

*** HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

I. Đọc văn bản và chuẩn bị nội dung

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Thể loại: Thơ lục bát

2. Phân tích

**** Kí ức về tuổi thơ***

- Hình ảnh hoa bình đã gợi nhắc tác giả nhớ về tuổi thơ.
 - Tác giả sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ “có” kết hợp với phép liệt kê gợi nhắc những hình ảnh thân thuộc gắn bó với tuổi thơ: hoa bình, con chuồn ớt, cây hồng sai trĩu, canh điều, bến quê, con nhện giăng tơ,
 - Âm thanh gần gũi, gắn liền với vùng quê: tiếng chim, tiếng dế, tiếng cuốc.
- Hình ảnh, âm thanh sinh động, đặc trưng cho vùng quê.

2. Tình cảm của tác giả với quê hương

- Thể hiện nỗi nhớ da diết với kí ức tuổi thơ tươi đẹp, êm đềm, gắn bó với quê hương.
- Mong ước được trở về quê hương sau nhiều năm xa cách.

III. Viết ngắn:

GV hướng dẫn HS chia sẻ về phần viết ngắn, đã làm bài tập về nhà từ tiết trước.

- GV yêu cầu các HS trong lớp lắng nghe phần chia sẻ và nhận xét theo các tiêu chí:
 - + Sự phù hợp của hình ảnh với đề bài
 - + Sự phù hợp của đoạn văn với nội dung ảnh.

+ Dẫn nguồn thông tin về các hình ảnh đã sử dụng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

Câu 1: Tác giả của văn bản Hoa bìm

- A. Nguyễn Tiến Tựu
- B. Nguyễn Đình Thi
- C. Nguyễn Đức Mậu
- D. Nguyễn Thi

Câu 2: Hình ảnh nào sau đây không có trong văn bản Hoa Bìm

- A. Con thuyền giấy
- B. Con chuồn ớt
- C. Con nhện giăng tơ
- D. Con trâu tha thân gặm cỏ

Câu 3: Tình cảm nào không được thể hiện qua bài thơ?

- A. Nỗi nhớ da diết gia đình
- B. Nỗi nhớ về những kỉ ức tươi đẹp của tuổi thơ
- C. Mong ước được trở về quê hương

VIẾT

LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

(Thời lượng: 2 tiết)

***HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

I. Tìm hiểu chung

1. Sáng tác

- Thơ phải được viết ra bằng suy nghĩ và cảm xúc chân thành.

2. Yêu cầu đối với bài thơ lục bát

a. Yêu cầu về nội dung

+ Thể hiện được cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị về cuộc sống.

b. Yêu cầu về nghệ thuật

- Ngôn ngữ: hàm súc, gợi hình, gợi cảm.
- Sử dụng các biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ,... để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị.
- Sử dụng vần, nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.
- Lục bát là thể thơ yêu cầu người viết tuân thủ quy định về số chữ, vần, nhịp, thanh điệu,... khá chặt chẽ.

II. Phân tích ví dụ

1. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: "*Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro*" khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc băng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.

2. Đảm bảo sự hiệp vần và phối hợp thanh điệu của bài thơ.

3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: chăn trâu, thả diều, nướng khoai đến những nét tiêu biểu như gió đông hay khoảnh khắc hoàng hôn đến.

→ Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.

4. Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nướng khoai, cảm nhận ấy còn được thể hiện qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông.

5. Nét độc đáo trong nghệ thuật:

+ Phép đối giữa ít - nhiều, rạ rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình).

+ Sự liên tưởng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.

6. Khi làm thơ lục bát cần chú ý về vần, nhịp, thanh điệu.

III. Thực hành

Đề bài: Hãy làm một bài thơ lục bát thể hiện cảm xúc, suy ngẫm của em về một cảnh đẹp hoặc một sự việc mà em từng chứng kiến.

- Quy trình viết gồm 3 bước:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ

Bước 3: Làm thơ lục bát

***HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

HS thực hành viết và tổ chức cuộc thi sáng tác thơ trong lớp.

ĐỀ KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN – LẦN 1

LỚP 6 – MÔN: Ngữ Văn

Năm học: 2021 – 2022

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Truyện cổ tích là gì?

- A. Là thể loại truyện kể dân gian, kết quả của trí tưởng tượng dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận của các kiểu nhân vật.
- B. Là thể loại truyện kể dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận của nhân vật chính.
- C. Là thể loại truyện kể dân gian, kể về số phận của các nhân vật mồ côi, nghèo khổ.
- D. Là thể loại truyện kể dân gian, kể về cuộc đời, số phận của các nhân vật có tài năng khác người, hay giúp đỡ người lương thiện.

Câu 2: Chủ đề nổi bật trong truyện cổ tích là gì?

- A. Ước mơ về một xã hội công bằng, cái thiện thắng cái ác.

B. Ước mơ về một xã hội công bằng không có chiến tranh, mọi người được sống trong hòa bình.

C. Ước mơ về một môi trường sống lành mạnh, không có ô nhiễm môi trường.

D. Ước mơ không có bão lụt, thiên tai.

Câu 3: Truyện Sọ Dừa thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết.

B. Cổ tích.

C. Thần thoại.

D. Ngụ ngôn.

Câu 4: Truyện Em bé thông minh viết về kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

A. Nhân vật bất hạnh, mồ côi, bị hắt hủi

B. Nhân vật có tài năng kì lạ phi thường

C. Nhân vật thông minh, tài giỏi

D. Nhân vật khỏe mạnh, nhân hậu.

Câu 5: Trạng ngữ đứng ở vị trí nào trong câu?

A. Đầu câu

B. Cuối câu

C. Đầu câu và giữa câu

D. Đầu câu nhưng cũng có thể đứng ở giữa câu và cuối câu.

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Kể tên những lần thử thách của em bé trong truyện “Em bé thông minh”. Qua những lần đó, lần nào thú vị nhất đối với em. (3đ)

Câu 2: Gạch chân trạng ngữ trong các câu sau và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ. (2đ)

A. Khi mùa xuân đến, cây cối đâm chồi nảy lộc.

B. Vì chủ quan, nhiều bạn làm bài kiểm tra chưa tốt.